MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGỮ VĂN GẮN VỚI CUỘC SỐNG

LẠI THỊ THU HIỀN
Trường Trung học phổ thông Chuyên Lam Sơn

Nhận bài ngày 20/10/2025. Sửa chữa xong 02/12/2025. Duyệt đăng 19/12/2025.

Abstract

This article examines the requirement that Literature teaching be closely connected with real-life contexts, which is one of the key orientations of the 2018 Vietnamese Literature Curriculum. Teaching practice shows that many teachers still focus primarily on knowledge acquisition rather than guiding students to apply that knowledge in real-life situations. In Literature education—especially in reading comprehension, Vietnamese language, and writing instruction—it is essential for teachers to design learning activities that help students relate the humanistic messages of literary works to their own lives and personal experiences. Based on classroom practice and the demands of the 2018 curriculum, the article proposes several life-oriented teaching methods aimed at enhancing the effectiveness and quality of Literature instruction. The findings clarify the need to connect Literature teaching with real life and offer useful implications for teachers and educational administrators in effectively implementing the 2018 Literature Curriculum, particularly regarding teaching methodology and the assessment of student learning outcomes.

Keywords: *Assessment, literature and life, reading comprehension teaching, speaking–listening–writing teaching, teaching methods.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông (GDPT), Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 [1] xác lập định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, trong đó yêu cầu gắn kết tri thức với đời sống thực tiễn giữ vai trò then chốt. Dạy học Ngữ văn không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức về văn bản, về tiếng Việt hay rèn kĩ năng làm văn mà để học sinh (HS) vận dụng những kiến thức ấy vào nhận thức, giải quyết các vấn đề của cuộc sống và phát triển nhân cách. Tuy nhiên, thực tế triển khai dạy học môn Ngữ văn gắn với cuộc sống ở trường phổ thông vẫn còn nhiều hạn chế. Một bộ phận giáo viên (GV) vẫn chú trọng truyền thụ kiến thức hơn phát triển năng lực vận dụng, việc tổ chức cho HS liên hệ giữa thông điệp văn bản với trải nghiệm cá nhân còn ít được chú ý, các phương pháp dạy học gắn với đời sống chưa được sử dụng thường xuyên và thiếu tính hệ thống. Khoảng cách giữa mục tiêu chương trình và thực tiễn thực hiện đang đặt ra yêu cầu phải có những nghiên cứu sâu hơn nhằm xác định hướng tiếp cận phù hợp và các biện pháp khả thi trong dạy học Ngữ văn theo định hướng gắn với cuộc sống. Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết của Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 và thực tiễn dạy học, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ cơ sở lý luận, khảo sát thực trạng, đồng thời mô tả và đề xuất một số phương pháp, hình thức dạy học Ngữ văn gắn với cuộc sống, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn. Những câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: 1) Những kiến thức, kĩ năng gì cần thiết để phát triển phẩm chất, năng lực HS trong quá trình dạy học văn bản, tiếng Việt, làm văn? 2) Sử dụng phương pháp nào để trong quá trình dạy học Ngữ văn gắn với cuộc sống thực sự hiệu quả, giúp HS đọc hiểu, viết, nghe, nói hiệu quả hơn, đồng thời cũng nâng cao năng lực cảm thụ, thưởng thức và đánh giá giá trị văn học?

Email: laihienls@gmail.com

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu

Phương pháp này được sử dụng nhằm hệ thống hóa cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu, trên cơ sở thu nhập các tài liệu liên quan như chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành, các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, một số bài báo khoa học để tiến hành phân tích quan điểm và luận cứ khoa học. Từ đó làm rõ được mục tiêu, cấu trúc, nội dung, phương pháp dạy học và những yêu cầu cần đạt.

2.2. Phương pháp quan sát sư phạm

Phương pháp này được triển khai trong môi trường dạy học thực tế để thu thập thông tin về hoạt động dạy học của GV như cách tổ chức, mức độ vận dụng các phương pháp dạy học; hoạt động học của HS gồm khả năng vận dụng kiến thức vào giao tiếp, tạo lập văn bản, biểu hiện năng lực đọc, viết, nói, nghe.

Dựa trên kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất các phương pháp dạy học phù hợp và thiết kế một số hoạt động minh họa nhằm thúc đẩy việc dạy học Ngữ văn gắn với cuộc sống một cách hiệu quả.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các khái niệm chính

3.1.1. Dạy học Ngữ văn gắn với cuộc sống

Là quan điểm dạy học, trong đó các hoạt động đọc, viết, nói, nghe và cảm thụ văn học được thiết kế giúp HS vận dụng kiến thức ngôn ngữ và văn học vào những tình huống giao tiếp cụ thể. Dạy học Ngữ văn không chỉ chú trọng kiểu văn bản mà hướng tới ứng dụng, liên hệ và chuyển hóa kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tế, coi trọng tính ứng dụng.

3.1.2. Phẩm chất, năng lực

Theo Chương trình GDPT 2018, đối với môn Ngữ văn [1]: Phẩm chất yêu nước: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, đồng thời được biểu hiện qua thái độ sống văn hóa, biết lắng nghe, biết đồng cảm, có cảm xúc thẩm mỹ khi tiếp nhận văn học; Năng lực ngôn ngữ là năng lực đọc, viết, nói, nghe trong các tình huống giao tiếp đa dạng của đời sống; Năng lực văn học là năng lực cảm thụ, đánh giá, thưởng thức giá trị của tác phẩm, vận dụng vào cảm nhận của đời sống cá nhân cũng như xã hội. Như vậy, mối liên hệ giữa nội dung và phương pháp dạy học cũng phải hướng đến phát triển đồng thời hai nhóm năng lực và phẩm chất này. Dạy học Ngữ văn gắn với cuộc sống hướng đến mục tiêu hỗ trợ HS đọc hiểu, viết, nghe, nói, đồng thời nâng cao năng lực cảm thụ và đánh giá giá trị văn học.

3.2. Phương pháp dạy học Ngữ văn gắn với cuộc sống theo phân môn

3.2.1. Dạy đọc hiểu các loại văn bản

Về nội dung, HS không chỉ tiếp cận văn bản văn học, nghị luận mà còn rèn luyện đọc hiểu các văn bản thông tin. Việc học tác phẩm được nhìn nhận như một quá trình giúp HS hiểu sâu sắc đời sống, con người và những giá trị văn hóa - xã hội. Song song với đó, văn bản thông tin có nội dung và hình thức đa dạng như thông báo, đơn kiến nghị, hướng dẫn sử dụng thuốc, biên lai hướng các em năng lực sử dụng ngôn ngữ thiết thực. Dạy đọc hiểu không dừng lại ở việc giúp HS nắm bắt nội dung, nghệ thuật của văn bản mà hướng tới khả năng giải mã, hiểu đúng, hiểu sâu những thông điệp cuộc sống… Trên cơ sở đó liên hệ tới bối cảnh đời sống, các vấn đề xã hội, bản thân và hình thành tư duy phản biện hay vận dụng vào cuộc sống.

a. Phương pháp gợi mở - vấn đáp định hướng trải nghiệm: GV sử dụng câu hỏi có định hướng nhằm gợi kết nối văn bản với hiểu biết, vốn sống của HS. Khi đọc hiểu, HS cần "Kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân HS,... để hiểu sâu hơn giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hóa những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày" [1]. Vì thế, với những văn bản - tác phẩm ra đời từ xa xưa, HS vẫn cần đặt những ý tưởng, vấn đề "xưa cũ" vào bối cảnh xã hội mới để hiểu dù tác phẩm ra đời đã lâu nhưng vẫn có giá trị, vẫn mới mẻ, vẫn đồng hành với cuộc sống hôm nay. Ví dụ: Tìm hiểu "Bảo kính cảnh giới số 43" [2] của Nguyễn Trãi, một bài thơ ra đời cách đây đã hơn 600 năm nhưng vẫn còn nguyên giá trị đến hôm nay. GV gợi vấn đề để HS cảm nhận vẻ đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi, từ đó nối kết để nhận thức giá trị của tác phẩm: chứa chan tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống bình dị, thanh thản nhưng không lánh đời, luôn hướng về cuộc đời, về con người. Ông mang tinh thần

của nhà nho nhập thế, luôn đau đáu với cuộc sống của nhân dân, ước mong lớn nhất là nhân dân giàu đủ, muôn nơi đều yên ổn. Tư tưởng lấy dân làm gốc và quan niệm sống tích cực, đề cao trách nhiệm xã hội luôn là bài học nhân văn sâu sắc có ý nghĩa nhắc nhở chúng ta .

b. Phương pháp liên hệ, so sánh: Nhận thức so sánh, đối chiếu, mở rộng không gian tiếp nhận làm rõ tinh thời sự, tính phổ quát của giá trị văn học. Ví dụ, hướng dẫn tìm hiểu bài thơ Độc Tiểu Thanh ký của Nguyễn Du [4]. Nội dung bài thơ là lời tâm sự của Nguyễn Du khi nghĩ về số phận bi kịch người con gái tài sắc mà bạc mệnh qua nỗi hận, nỗi oan. Nguyễn Du gửi niềm cảm thương đặc biệt bởi cái đẹp bị lãng quên, tài năng bị chà đạp. Bài thơ gợi lên suy nghĩ về sự tồn tại mong manh của cái đẹp, của sáng tạo tinh thần trước sự vô tình của thời gian, cuộc đời. Ẩn sâu trong đó là niềm day dứt nỗi oan của người tài, ý thức sâu sắc về giá trị tinh thần, lo lắng, khát khao về sự thấu hiểu và đồng cảm của hậu thế. Bài thơ tuy ra đời cách đây 200 năm nhưng những gì gửi gắm trong đó vẫn còn nguyên giá trị. Từ nội dung bài thơ, HS liên hệ với cuộc sống hôm nay:

Tiếng nói của lòng nhân đạo nhìn thấu nỗi đau của người khác, dù cách xa không gian, thời gian: Khi trong xã hội hiện đại, con người dễ vô cảm trước nỗi đau của đồng loại, Độc Tiểu Thanh ký giúp ta biết sống chậm lại, lắng nghe, thấu hiểu.

Nhìn ra sự bền vững của chân - thiện - mỹ từ tiếng nói của cái đẹp, của tài năng và nỗi oan khuất: Người xưa thể hiện sự đồng cảm sâu sắc trong câu hỏi khắc khoải về nỗi cô đơn, về khao khát nhận được thấu hiểu từ hậu thế, điều đó giúp con người hôm nay hiểu, trân trọng lòng yêu thương, từ đó rèn luyện tư duy nhân văn, học cách đối thoại với quá khứ, soi chiếu hiện tại, xây dựng thái độ sống có trách nhiệm, lòng nhân ái.

Phương pháp thảo luận và hợp tác: Tổ chức hoạt động thảo luận nhóm, HS chia sẻ quan điểm, cách hiểu văn bản, qua đó hình thành năng lực đối thoại, phản biện. Ví dụ: Hướng dẫn đọc hiểu truyện ngắn gắn với cuộc sống đương đại, truyện "Một chuyện đùa nho nhỏ" của nhà văn Nga, A.Sê-Khốp [3].

Truyện kể về một trò đùa tưởng như vô hại nhưng lại khiến người ta day dứt mãi. Ẩn sau "chuyện đùa" là một tư tưởng nhân văn sâu xa: - Tình cảm con người là điều thiêng liêng, không nên đem ra thử thách hay đùa cợt; - Sự vô tâm, dù rất nhỏ cũng có thể để lại dấu ấn sâu bền trong tâm hồn người khác; - Tác phẩm nhắc nhở con người phải trân trọng cảm xúc, sống chân thành và có trách nhiệm trong các mối quan hệ. Đây là một lời cảnh tỉnh nhẹ nhàng mà thấm thía..

Đến hôm nay, tinh thần của Một chuyện đùa nho nhỏ vẫn còn nguyên giá trị: - Phê phán hiện tượng những lời nói, hành động "đùa cho vui" trên mạng xã hội, trong giao tiếp gây tổn thương người khác; - Sự tử tế bắt đầu từ việc biết tôn trọng cảm xúc, đừng biến tình cảm thành trò đùa; - Nuôi dưỡng văn hóa ứng xử, đề cao sự chân thành trong tình yêu và cuộc sống.

Các phương pháp dạy học cần được vận dụng linh hoạt, phù hợp đặc trưng thể loại, đối tượng HS và mục tiêu bài học nhằm phát triển năng lực đọc hiểu.

3.2.2. Dạy học viết và nói - nghe

Dạy học gắn với cuộc sống thể hiện ở yêu cầu viết các loại văn bản thông dụng gồm văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, nhật dụng. Đề tài, nội dung các loại văn bản này gắn với cuộc sống hàng ngày, với những tình huống, con người, sự kiện đã và đang xảy ra, chẳng hạn yêu cầu HS bàn về một hiện tượng, một vấn đề xã hội, viết bài giới thiệu một cuốn sách, vở kịch, bộ phim, giới thiệu một danh lam thắng cảnh, một di tích lịch sử …

a. Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ: GV thiết kế, tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ gắn với tình huống đời sống .

Ví dụ: Em nghĩ gì về hiện tượng "mê game"?Với nội dung này, GV tổ chức cho HS viết bài hoặc thảo luận trong tổ/lớp. Trước hết, HS trao đổi chỉ ra thực trạng "mê game", ưu điểm là chơi game giúp người chơi thư giãn, rèn luyện kĩ năng, kĩ thuật nhanh tay, nhanh mắt, một số game liên quan đến kiến thức lịch sử, địa lí, khoa học,… giúp người chơi bổ sung kiến thức nhưng mê chơi game cũng có nhiều tác hại: game lấy của người chơi thời gian, tâm trí; không ít HS, sinh viên ngồi trước màn hình máy tính nhiều giờ, thậm chí quên ăn, quên ngủ. Để thỏa mãn "nghiện game" có khi nảy sinh những hành vi sai trái như nghỉ học, nói dối, trộm tiền, ảnh hưởng đến sức khỏe. Đây là thực trạng đáng lo ngại! từ đó tìm giải pháp khắc phục: - Chủ động xây

dựng thời gian biểu, thiết lập kế hoạch học tập, làm việc và giải trí, ưu tiên việc gì cần làm trước, làm sau; - Bản thân tự nhận biết giới hạn trong sự giám sát của bố mẹ, người thân, biết tự kiểm soát hành vi;- Gia đình, nhà trường phải xây dựng mối quan hệ gần gũi tin cậy để lắng nghe chia sẻ, cha mẹ hướng con đến những niềm vui trong âm nhạc, thể thao, đọc sách, thầy cô hướng HS vào các hoạt động tập thể.

b. Phương pháp trải nghiệm sáng tạo: Khuyến khích HS tham gia các hoạt động trải nghiệm tham quan, xem phim, đọc sách và viết cảm nhận, thuyết minh, trình bày quan điểm.

Ví dụ: "Giới thiệu một danh lam thắng cảnh của quê hương, một di tích lịch sử để lại cho em nhiều ấn tượng". Có một thực tế, rất nhiều HS không biết ngay trên quê hương, làng, xã - nơi chôn rau cắt rốn của mình có những "di sản" vật chất hoặc tinh thần người xưa để lại rất có giá trị. Vì thế, với những đề văn như trên, qua chuẩn bị tìm hiểu tư liệu, thông tin về đối tượng được giới thiệu, HS sẽ hiểu thêm về quê hương, đất nước. Không chỉ các danh lam thắng cảnh gần gũi của quê hương mà còn có thể tìm hiểu giới thiệu các di tích lịch sử, danh thắng nổi tiếng của đất nước như Vịnh Hạ Long, Chùa Một Cột, Động Phong Nha, Văn Miếu Quốc Tử Giám…Qua đó làm giàu thêm những hiểu biết của cá nhân và khơi gợi niềm đam mê khám phá.

Khi giới thiệu Văn Miếu - Quốc Tử Giám, HS sẽ được tìm hiểu về lịch sử, nét kiến trúc độc đáo, giá trị tinh thần đẹp đẽ được gìn giữ qua bao biến động, thăng trầm. Các em sẽ biết và tự hào với một Văn Miếu trầm mặc giữa thủ đô gồm 2 di tích chính là Văn Miếu thờ Khổng Tử, các bậc hiền triết và Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An. Văn Miếu độc đáo từ cổng chính, đôi rồng đá thời Lê, rồng đá thời Nguyễn, Khuê Văn Các, Đại Thành Môn. Đặc biệt, nơi đây lưu giữ 82 bia tiến sĩ có ghi đầy đủ họ tên, quê quán, chức danh tiêu biểu như Ngô Thì Nhậm, Lê Quí Đôn,… HS thể hiện kiến thức, hiểu biết nhưng quan trọng hơn là bày tỏ tấm lòng, thái độ trước một không gian văn hóa, di tích lịch sử.

c. Phương pháp dạy học theo dự án: GV tổ chức các dự án học tập như giới thiệu một cuốn sách, một bộ phim, xây dựng hồ sơ truyền thông về câu lạc bộ,… phương pháp này giúp HS kết nối ngôn ngữ với thực tế và sản phẩm học tập. "Trong quá trình dạy học, GV cần giao nhiệm vụ học tập rõ ràng, phù hợp với khả năng của HS; nêu cụ thể các yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành" [8]. Ví dụ: Dự án giới thiệu cuốn sách hay cho bạn bè. HS sẽ tiến hành đọc, viết, nói (trình bày) một cách chủ động linh hoạt, chú trọng giao tiếp, hình thành ngôn ngữ, tránh được cách làm văn theo khuôn mẫu.

Việc thực hiện yêu cầu như trên giúp HS không chỉ làm giàu thêm vốn hiểu biết, vốn sống mà còn trau dồi kĩ năng nói, nghe, đọc, viết hiệu quả.

3.2.3. Dạy học Tiếng Việt

Trong dạy học Tiếng Việt, Chương trình GDPT môn Ngữ văn [1] xác định định hướng giao tiếp, coi việc hình thành năng lực sử dụng tiếng Việt là mục tiêu trọng tâm. Năng lực này được thể hiện qua khả năng đọc, viết, nói và nghe thành thạo, chuẩn mực; biết lựa chọn từ ngữ đúng, hay và phù hợp với ngữ cảnh, đối tượng giao tiếp. Định hướng giao tiếp yêu cầu giảm lý thuyết, tăng thực hành ngôn ngữ thông qua ngữ liệu cụ thể. Các hoạt động học tập được tổ chức chủ yếu trong quá trình đọc hiểu văn bản và các giờ luyện viết, luyện nói, nghe, trong đó các hiện tượng và đơn vị ngôn ngữ được đặt vào văn cảnh và tình huống giao tiếp thực tế để làm rõ chức năng biểu đạt của tiếng Việt.

a. Phương pháp thực hành theo ngữ cảnh: GV đưa ra những tình huống cuộc sống như yêu cầu viết đơn xin nghỉ học, đơn xin vào câu lạc bộ…HS phải lựa chọn ngôn ngữ, cấu trúc câu rõ ràng, đúng chuẩn mực hành chính, chỉnh sửa và hoàn thiện văn bản.

b. Phương pháp dạy học dựa trên văn bản và ngữ liệu văn học: Trong các câu hỏi đọc hiểu thường có yêu cầu khai thác (nhận biết, lí giải và vận dụng) tiếng Việt vào đọc hiểu văn bản. Ví dụ: Khi hướng dẫn đọc văn bản Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu [5], GV lưu ý HS cuộc đối thoại của nhân vật người phụ nữ hàng chài, ở 2 tình huống (a và b):

a. Người đàn bà hướng về phía Đẩu, tự nhiên chắp tay lại vái lia lịa: - Con lạy quý tòa...; - Sao, sao?; - Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó.

b. Chị cám ơn các chú! - Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khẩn thiết: Đây là chị nói thành thực, chị cám ơn các chú. Lòng các chú tốt nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn...

Từ ngữ liệu trên, trao đổi về đặc điểm hai lời thoại (a) và (b); lí giải sự phù hợp của mỗi lời thoại với tình huống, bối cảnh vì sao lại có 2 cách nói ấy? Từ đó, HS nhận biết ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật; biết vận dụng đúng lúc, đúng đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

c. Phương pháp dạy học Tiếng Việt thông qua so sánh - đối chiếu: So sánh các cách dùng từ, đặt câu, phong cách diễn đạt để làm nổi bật chuẩn mực và giá trị biểu đạt. Giúp HS biết đánh giá tính đúng - hay - phù hợp của ngôn ngữ. Ví dụ: So sánh cách nói "Em rất buồn khi bạn không đến" và "Việc bạn không đến khiến em vô cùng thất vọng", HS nhận diện sự khác nhau về sắc thái biểu cảm và ngữ cảnh sử dụng ngôn từ.

d. Phương pháp ứng dụng số hóa: Khai thác công nghệ số giúp HS hình thành năng lực giao tiếp đa phương tiện - một yêu cầu của chương trình giáo dục hiện nay. HS sử dụng các nền tảng số để chỉnh sửa hoặc trình bày thông tin bằng tiếng Việt. Ví dụ: HS thiết kế poster tuyên truyền về BVMTbằng ngôn ngữ ngắn gọn, chuẩn xác, ghi âm podcast chia sẻ trải nghiệm cá nhân, rèn luyện kỹ năng nói, nghe. Chương trình tiếng Việt chú trọng trang bị hệ thống từ Hán Việt thông dụng giúp HS hiểu, khắc phục lỗi dùng từ và diễn đạt chính xác, trang trọng. Quá trình dạy, GV cung cấp những từ Hán-Việt thông dụng theo các nhóm nội dung, ví dụ như nhóm từ chỉ phẩm chất: "nhân ái" (thương người), "trung thực" (thẳng thắn), "đoàn kết"(gắn kết)... Nhóm từ chỉ hành động, hoạt động: "hợp tác" (làm chung), "ủng hộ" (tán thành), "bảo vệ" (giữ gìn, che chở)... GV hướng dẫn giúp HS phát hiện logic cấu tạo từ và hiểu nghĩa, so sánh từ Hán Việt với từ thuần Việt để thấy sắc thái nghĩa, trang nhã, nghiêm túc của từ Hán Việt và nhận biết cách sử dụng trong giao tiếp, trong các văn bản hành chính, nghị luận.

Những phương pháp trên cho thấy dạy học Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn 2018 cần được triển khai theo hướng mở, linh hoạt và gắn chặt với đời sống thực tiễn. Việc vận dụng đa dạng các phương pháp giúp HS phát triển năng lực giao tiếp ngôn ngữ toàn diện, biết sử dụng tiếng Việt một cách chuẩn mực, hiệu quả trong học tập và đời sống.

3.3. Kiểm tra, đánh giá gắn với đời sống

"Khuyến khích việc xây dựng và sử dụng các đề mở trong kiểm tra, đánh giá để phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của HS. Trong kiểm tra, đánh giá, đề thi cần bám sát các yêu cầu về viết các kiểu văn bản" [7]. Nội dung viết gắn với nội dung đã đọc hiểu và các vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống. Theo cấu trúc đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [6], trong 05 câu hỏi đọc hiểu phải có câu vận dụng; tức câu hỏi chú ý gắn nội dung văn bản đã đọc với cuộc sống xã hội và cá nhân người đọc. Trong yêu cầu viết nghị luận xã hội cần chú ý những vấn đề giàu ý nghĩa gắn với cuộc sống hiện nay của tuổi trẻ, những vấn đề cần có giải pháp phù hợp và hiệu quả… để HS bàn luận, nêu ý kiến cá nhân.

Đề thi tốt nghiệp môn Ngữ văn năm 2025 [9] là một minh chứng. Đề dẫn ra văn bản đọc hiểu là truyện "Những vùng trời khác nhau" của nhà văn Nguyễn Minh Châu, sau đó nêu yêu cầu đọc hiểu và viết. Với đọc hiểu bên cạnh các câu hỏi về nội dung và kiến thức tiếng Việt, câu hỏi số 5 với mức độ vận dụng: so sánh điểm tương đồng giữa hai ngữ liệu nói về vai trò của sự trải nghiệm cá nhân đối với những vùng đất mình đã sống, đã đi qua. Đây là hình thức đánh giá năng lực đọc hiểu bậc cao, hướng người học đến việc nhận diện, khái quát và liên hệ các trải nghiệm sống trong mối quan hệ với không gian văn hóa của mỗi vùng miền. Ở phần làm văn, đề thi lựa chọn một thông điệp giàu tính gợi mở: "Vùng trời quê hương nào cũng là bầu trời Tổ quốc", từ đó yêu cầu HS trình bày quan điểm và lập luận. Chủ đề mang tính thời sự, gần gũi với đời sống đương đại, không chỉ truyền tải bài học công dân sâu sắc thông qua tình yêu nước khởi nguồn từ sự trân trọng từng miền đất, từng mảnh hồn quê mà còn định hướng HS kết nối với bối cảnh xã hội hiện nay. Việc sắp xếp lại đơn vị hành chính thông qua chủ trương sát nhập các địa phương đang diễn ra cho thấy tính thời sự của vấn đề, đồng thời giúp HS nhận thức sâu sắc hơn về sự thống nhất trong đa dạng văn hóa, về trách nhiệm cá nhân trong việc gìn giữ, lan tỏa giá trị quê hương.

Trong dạy học nghị luận xã hội, GV thường lựa chọn những vấn đề có tính thời sự, gắn với các hiện tượng quen thuộc từ gia đình, nhà trường và đời sống xã hội. Cách tiếp cận này giúp HS nhận thức rõ hơn về các vấn đề đương đại, từ đó điều chỉnh hành vi và phát triển năng lực lựa chọn giá trị sống phù hợp. Ví dụ: Hiện tượng tiếp nhận thông tin của người trẻ trong bối cảnh bùng nổ truyền thông số, gọi dí dỏm là "nghe bằng

mắt, nói bằng tay". Việc giao tiếp qua tin nhắn, thói quen đọc lướt, phụ thuộc vào mạng xã hội đã trở nên phổ biến. Tổ chức Y tế Thế giới từng cảnh báo về "đại dịch thông tin" (infodemic) - tình trạng quá tải dữ liệu nhưng thiếu khả năng chọn lọc và thẩm định. Đây là thực trạng không ít HS hiện nay vướng phải.

Trong quá trình tổ chức dạy học, GV đặt ra các câu hỏi định hướng: Cần làm gì để thay đổi thói quen tiếp nhận thông tin? Phải đặt câu hỏi nào để hiểu sâu hơn về vấn đề? Từ đó, khuyến khích tăng cường giao tiếp bằng lời nói, chắt lọc thông tin, phát triển kỹ năng ngôn ngữ. Việc hình thành thói quen đọc chậm, đọc sâu, suy ngẫm nội dung giúp nâng cao khả năng tập trung, tránh phân tán do tác động của mạng xã hội, đồng thời mở rộng năng lực tư duy phản biện.

Giáo viên cũng có thể lựa chọn những vấn đề có tính phê bình xã hội trong đời sống người trẻ. Chẳng hạn, câu hỏi: "Sống thực dụng có phải là xu thế của người trẻ hiện nay?" là một gợi dẫn hiệu quả. Khi tiếp cận vấn đề, HS tìm hiểu khái niệm, phân tích biểu hiện và đánh giá hiện tượng dựa trên dẫn chứng cụ thể: chạy theo thương hiệu, đánh giá con người qua vật chất, đề cao lợi ích trước mắt, sẵn sàng đánh đổi giá trị đạo đức để đạt mục đích. GV định hướng cần nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khi nhiều bạn trẻ vẫn sống đẹp, nuôi dưỡng lý tưởng, theo đuổi ước mơ và cống hiến qua hoạt động tình nguyện, sáng tạo khởi nghiệp. Do vậy, không thể khẳng định lối sống thực dụng là xu hướng phổ quát của thế hệ trẻ.

Từ nhận thức đúng, HS sẽ tiếp cận và xử lý thông tin một cách tỉnh táo, phân biệt giá trị thực, giá trị ảo, biết cách nhận diện và có thái độ đúng trước những thông tin sai lệch, tỉnh táo trước những hào nhoáng. Đồng thời, định hướng phát triển bản thân dựa trên nỗ lực cá nhân, tôn trọng giá trị lao động, nuôi dưỡng lòng tự trọng và xây dựng trách nhiệm xã hội. Đây cũng chính là mục tiêu của dạy học nghị luận xã hội trong Chương trình GDPT 2018: hình thành năng lực tư duy phản biện, định hướng giá trị và nuôi dưỡng phẩm chất công dân của người học.

Ở trên là những nội dung, cách dạy, cách đánh giá của Chương trình GDPT 2018 môn Ngữ văn [1] về yêu cầu gắn với hiện thực cuộc sống. Tuy nhiên, việc thực hiện các yêu cầu ấy còn phụ thuộc vào năng lực sư phạm và khả năng thiết kế hoạt động học tập cụ thể của GV. "Nhiều thầy cô giáo đã thực hiện tốt, có nhiều đề văn hay, có chất lượng; nhưng cũng không ít GV chưa đáp ứng được, nhất là việc ra đề kiểm tra, đánh giá. Vẫn còn nhiều đề mang tính áp đặt, mòn sáo, chưa khuyến khích HS mạnh dạn bày tỏ những suy nghĩ thực của cá nhân" [10]. Cần chú ý, tất cả các đề kiểm tra, thi theo Chương trình GDPT 2018 đều có yêu cầu vận dụng, gắn với cuộc sống thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm, ngay cả với đề nghị luận văn học. Yêu cầu này có thể là ý bắt buộc hoặc tính vào ý sáng tạo, tùy vào nội dung của mỗi đề cụ thể.

4. Kết luận

Dạy học Ngữ văn gắn liền với đời sống là một yêu cầu cốt lõi của Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018, đồng thời là tiền đề quan trọng để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học cho HS trong bối cảnh giáo dục đổi mới toàn diện. Trên cơ sở phân tích các yêu cầu cần đạt của chương trình và thực tiễn dạy học hiện nay, bài viết đã làm sáng tỏ quan điểm dạy học dựa trên trải nghiệm đời sống, hướng tới hình thành năng lực vận dụng ngôn ngữ và tri thức văn học vào thực tế. Nghiên cứu đã trình bày bốn nội dung trọng tâm gồm: Dạy đọc hiểu, dạy Tiếng Việt, dạy kỹ năng nói, đọc, viết và kiểm tra, đánh giá, trong đó mỗi nội dung đều được triển khai theo định hướng gắn kết với đời sống nhằm khơi dậy ở HS khả năng quan sát, phân tích, suy ngẫm và giải quyết các tình huống thực tiễn. Những luận điểm được đề xuất cho thấy khi được học Ngữ văn thông qua các tình huống chân thực, các vấn đề xã hội gần gũi hay những trải nghiệm cá nhân phong phú, HS không chỉ nắm vững tri thức môn học mà còn phát triển khả năng sử dụng tiếng Việt một cách linh hoạt, có văn hóa; biết vận dụng kiến thức văn học để hiểu người, hiểu mình và định hướng hành vi sống nhân ái, trách nhiệm. Những phương pháp và gợi ý dạy học đã được phân tích trong bài viết có thể trở thành tài liệu tham khảo hữu ích đối với GV, cán bộ quản lý, tác giả sách giáo khoa và những người quan tâm đến đổi mới dạy học Ngữ văn. Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định môn Ngữ văn chỉ thực sự phát huy giá trị khi trở thành môn học của đời sống, từ đời sống và vì đời sống. Việc gắn kết tri thức văn chương với các tình huống thực tiễn không chỉ giúp HS học tốt hơn mà còn giúp các em sống tốt hơn, nhân văn hơn đúng với tinh thần mà Chương trình Ngữ văn 2018 hướng tới.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn,* tr. 126-127.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Sách giáo khoa Ngữ văn 10* (tập 1) - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 22.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Sách giáo khoa Ngữ văn 10* (tập 2) - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 53-57.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Sách giáo khoa Ngữ văn 11* (tập 2) - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 17.

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Sách giáo khoa Ngữ văn 12* (tập 1) - bộ sách Cánh Diều, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 25-33.

[6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH, ngày 21/7/2022 về việc Hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông*.

[7] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT, ngày 8/3/2024 quy định về cấu trúc định dạng đề thi kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025 môn Ngữ văn*. Đề thi Ngữ văn minh họa 10/2024.

[8] Đặng Xuân Cương (2024). *Đánh giá theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, tập 53 số đặc biệt tháng 8, tr. 22-32.

[9] Đề thi và đáp án môn Ngữ văn trong kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tháng 6/2025. Nguồn: https://vnexpress.net/de-van-thi-tot-nghiep-thpt-2025-4906247.html.

[10] Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên, 2019). *Hướng dẫn dạy học Chương trình Ngữ văn trung học phổ thông 2018,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO VIÊN VÀ MỘT SỐ YÊU CẦU...

Tiếp theo trang 29

3. Kết luận

Học phần Tư tưởng Hồ Chí là học phần nghiên cứu về lãnh tụ Hồ Chí Minh kính yêu mà ít nhiều SV đều đã được biết về Người, từ đó nâng cao nhận thức chính trị và phẩm chất đạo đức. Vì vậy, giảng viên cần chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, thường xuyên cập nhật kiến thức mới để tránh tình trạng SV bị "nhai lại" kiến thức mình đã biết. Đây là khó khăn rất lớn của giảng viên giảng dạy học phần này. Có thể thấy, để dạy tốt học phần này là điều không dễ, đòi hỏi giảng viên phải có bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, chuyên môn sâu, sử dụng tốt các phương pháp giảng dạy, mô phạm, yêu nghề, yêu người, lòng nhiệt huyết và lòng kính yêu vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là điều kiện tiên quyết để giảng viên giảng dạy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện tốt việc "truyền lửa" cho SV - những người chủ tương lai của đất nước, giúp các em trở thành người giàu về đạo đức, đi đến tỏa sáng về chuyên môn, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của đất nước.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Bí thư (2014). *Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.*

[2] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011a). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[3] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011b). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 4). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[4] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011c). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 5). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[5] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011d). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 6). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[6] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011e). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 9). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[7] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011f). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 10). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[8] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011g). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 12). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[9] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011h). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 14). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[10] Ban Chấp hành Trung ương (2018). *Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.*

[11] Bộ Chính trị (2018). *Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.*

[12] Cao Thị Tuyết Loan, Lê Thị Son (2022). *Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học là trung tâm nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của bộ môn Lý luận chính trị,* Trường Đại học Tiền Giang. Tạp chí Giáo dục, 22(số đặc biệt 4), 215-220.

[13] Lê Thị Son (2024). *Một số yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị ở Trường Đại học Tiền Giang theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.* Tạp chí Giáo dục, 24 (số đặc biệt 1), 323-327.